**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ**

**CỦA NGÀNH Y TẾ TỈNH HẬU GIANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang)*

1. **Thủ tục hành chính thuộc phạm vi giải quyết của cấp tỉnh (115)**

| **TT** | **Tên thủ tục hành chính** | **Thời gian giải quyết theo quy định** | **Thời gian giải quyết**  **tại tỉnh** | **Địa điểm thực hiện** | **Phí, lệ phí (nếu có)**  **(ĐVT: ngàn đồng)** | **Căn cứ pháp lý** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Lĩnh vực An toàn Vệ sinh thực phẩm** | | | | | |
| 1 | Thủ tục cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm đối với tổ chức và cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền Sở Y tế theo Thông tư số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT | 13 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | ­12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | 30/lần/  01 người | 1. Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010;  2. Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 9 tháng 4 năm 2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;  3.Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm.  4. Quyết định số 4694/QĐ-BYT ngày 04 tháng 11 năm 2015 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế trong lĩnh vực an toàn thực phẩm và dinh dưỡng. |
| 2 | Thủ tục Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm đối với tổ chức và cá nhân kinh doanh dịch vụ ăn uống theo Thông tư 47/2014/TT-BYT | 13 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | 30/lần/người | 1. Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010;  2. Thông tư liên tịch số 47/2014/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Bộ Y tế hướng dẫn quản lý an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống;  3. Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm.  4. Quyết định số 4694/QĐ-BYT ngày 04 tháng 11 năm 2015 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế trong lĩnh vực an toàn thực phẩm và dinh dưỡng. |
| 3 | Thủ tục Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 14 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | Thẩm định CS kinh doanh : 1.000/lần/cơ sở  Thẩm định CS sản xuất 3.000 /lần/cơ sở | 1. Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010;  2. Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.  3. Thông tư số 26/2012/TT-BYT ngày 30/11/2012 của Bộ Y tế quy định cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm; nước khoáng thiên nhiên, nước uống đóng chai; dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế.  4. Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09 tháng 4 năm 2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Công Thương về hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;  5. Quyết định số 4694/QĐ-BYT ngày 04 tháng 11 năm 2015 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế trong lĩnh vực an toàn thực phẩm và dinh dưỡng.  6. Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm. |
| 4 | Thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 7 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 6 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | Chưa quy định | 1. Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010;  2. Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm  3. Thông tư số 26/2012/TT-BYT ngày 30/11/2012 của Bộ Y tế quy định cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm; nước khoáng thiên nhiên, nước uống đóng chai; dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế.  4. Quyết định số 4694/QĐ-BYT ngày 04 tháng 11 năm 2015 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế trong lĩnh vực an toàn thực phẩm và dinh dưỡng.  5. Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm. |
| 5 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống theo Thông tư số 47/2014/TT-BYT | 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 14 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | Thẩm định CS phục vụ dưới 200 suất: 700 /lần/cơ sở  Thẩm định CS phục vụ từ 200 suất trở lên: 1.000/lần/cơ sở | 1. Luật An toàn thực phẩm năm 2010 ;  2. Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn thực phẩm;  3. Thông tư số 47/2014/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2014 Hướng dẫn quản lý an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống  4. Thông tư số 30/2012/TT-BYT ngày 5 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, kinh doanh thức ăn đường phố;  5. Quyết định số 4694/QĐ-BYT ngày 04 tháng 11 năm 2015 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế trong lĩnh vực an toàn thực phẩm và dinh dưỡng.  6. Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm. |
| 6 | Thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống theo Thông tư số 47/2014/TT-BYT | 7 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 6 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | Chưa quy định | 1. Luật An toàn thực phẩm năm 2010.  2. Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn thực phẩm.  3. Thông tư số 47/2014/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2014 Hướng dẫn quản lý an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống.  4. Quyết định số 4694/QĐ-BYT ngày 04 tháng 11 năm 2015 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế trong lĩnh vực an toàn thực phẩm và dinh dưỡng.  5. Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm. |
| 7 | Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi | 7 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 7 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | 1.500/ 01  sản phẩm | 1. Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hội.  2. Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.  3. Quyết định số 2318/QĐ-BYT ngày 06/4/2018 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/ bị bãi bỏ lĩnh vực an toàn thực phẩm và dinh dưỡng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.  4. Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm. |
| 8 | Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi | 7 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 7 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | 1.500 / 01  sản phẩm | 1. Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hội.  2. Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.  3. Quyết định số 2318/QĐ-BYT ngày 06/4/2018 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/ bị bãi bỏ lĩnh vực an toàn thực phẩm và dinh dưỡng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.  4. Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm. |
| 9 | Thủ tục cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | 1.200 /lần/  sản phẩm) | - Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hội.  - Luật quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21/6/2012 của Quốc hội.  - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 2/2/2018 của Chính phủ quy định chi Tiết thi hành một số Điều của Luật An toàn thực phẩm.  - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo.  - Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2015 về xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế.  - Nghị định số 100/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về kinh doanh và sử dụng sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ, bình bú và vú ngậm nhân tạo;  - Quyết định số 2318/QĐ-BYT ngày 06/4/2018 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/ bị bãi bỏ lĩnh vực an toàn thực phẩm và dinh dưỡng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.  - Thông tư 279/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm; |
| **II** | **Lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh** | | | | |  |
| 1 | Cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 29 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | 360/01 chứng chỉ KCB | 1- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.  2- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.  3- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.  4- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế |
| 2 | Cấp bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 29 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | 360/01 chứng chỉ KCB | 1- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.  2- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.  3- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.  4- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế |
| 3 | Cấp thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 29 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | 360/ 01  chứng chỉ KCB | 1- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.  2- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.  3- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.  4- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế |
| 4 | Cấp điều chỉnh chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp đề nghị thay đổi họ và tên, ngày tháng năm sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 29 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | 150/01  chứng chỉ KCB | 1- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.  2- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.  3- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.  4- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế |
| 5 | Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị mất hoặc bị hư hỏng hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Điểm a, b Khoản 1 Điều 29 Luật Khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền Sở Y tế | 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 29 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | 150/ 01  chứng chỉ KCB | 1- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.  2- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.  3- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.  4- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế |
| 6 | Cấp lại chứng hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Điểm c, d, đ, e, g Khoản 1 Điều 29 Luật Khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền Sở Y tế | 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 29 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | 360/ 01  chứng chỉ KCB | 1- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009, Hiệu lực thi hành từ 01/01/2011  2- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh. Hiệu lực thi hành  3- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.  4- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế |
| 7 | Cấp giấy phép hoạt động đối với bệnh viện thuộc Sở Y tế và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập | Bệnh viện: 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; Phòng khám, Cơ sở DV khác: 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. | Bệnh viện: 58 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; Phòng khám, Cơ sở DV khác: 43 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. | Trung tâm Hành chính công tỉnh | 10.500/ 01  giấy phép | 1- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.  2- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.  3- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.  4 - Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế |
| 8 | Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền Sở Y tế | 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 43 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | 5.700/ 01  giấy phép | 1- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.  2- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.  3- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.  4- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế |
| 9 | Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền Sở Y tế | 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 43 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | 4.300/01  giấy phép | 1- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.  2- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.  3- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.  4- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế |
| 10 | Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chẩn trị y học cổ truyền thuộc thẩm quyền Sở Y tế | 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 43 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | 3.100/ 01  giấy phép | 1- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.  2- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.  3- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.  4- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế |
| 11 | Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng xét nghiệm thuộc thẩm quyền Sở Y tế | 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 43 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | 4.300/ 01  giấy phép | 1- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.  2- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.  3- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.  4- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế |
| 12 | Cấp giấy phép hoạt động đối với Nhà Hộ Sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 43 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | 5.700/ 01  giấy phép | 1- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.  2- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.  3- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.  4- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế |
| 13 | Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám, tư vấn và điều trị dự phòng thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 43 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | 4.300/ 01  giấy phép | 1- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.  2- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.  3- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.  4- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế |
| 14 | Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám, điều trị bệnh nghề nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 43 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | 4.300/ 01  giấy phép | 1- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.  2- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.  3- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.  4- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế |
| 15 | Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ tiêm (chích) thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết | 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 43 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | 4.300/ 01  giấy phép | 1- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.  2- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.  3- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.  4- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế |
| 16 | Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà | 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 43 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | 4.300/ 01  giấy phép | 1- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.  2- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.  3- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.  4- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế |
| 17 | Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển bệnh nhân | 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 43 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | 4.300/ 01  giấy phép | 1- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.  2- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.  3- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.  4- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế |
| 18 | Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ kính thuốc | 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 43 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | 4.300/01 giấy phép | 1- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.  2- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.  3- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.  4- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế. |
| 19 | Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám chẩn đoán hình ảnh, phòng X quang thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 43 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | 4.300/ 01  giấy phép | 1- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.  2- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.  3- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.  4- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính |
| 20 | Công bố đủ điều kiện hoạt động đối với cơ sở dịch vụ thẩm mỹ | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | Chưa quy định | 1- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.  2- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.  3- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. |
| 21 | Công bố đủ điều kiện hoạt động đối với cơ sở dịch vụ xoa bóp (massage) | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | Chưa quy định | 1- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.  2- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.  3- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. |
| 22 | Cấp giấy phép hoạt động đối với trạm xá, trạm y tế cấp xã | 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 43 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | 3.100/ 01  giấy phép | 1- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.  2- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.  3- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.  4- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế |
| 23 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ làm răng giả | 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 43 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | 4.300/ 01  giấy phép | 1- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.  2- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.  3- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.  4- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế |
| 24 | Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền Sở Y tế | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | Chưa quy định | 1- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.  2- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.  3- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. |
| 25 | Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền Sở Y tế khi thay đổi địa điểm | Bệnh viện: 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; Phòng khám, Cơ sở DV khác: 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. | Bệnh viện: 58 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; Phòng khám, Cơ sở DV khác: 43 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. | Trung tâm Hành chính công tỉnh | Bệnh viện: 10.500.000 đồng  Phòng khám đa khoa, nhà hộ sinh, bệnh xá thuộc lực lượng Công an nhân dân, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình (hoặc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo nguyên lý y học gia đình): 5.700.000 đồng  Phòng khám chuyên khoa, Phòng khám, tư vấn và Điều trị dự phòng, Phòng khám, Điều trị bệnh nghề nghiệp, Phòng chẩn đoán hình ảnh, phòng X quang, Phòng xét nghiệm, Cơ sở dịch vụ y tế, Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 4.300.000 đồng  Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế cấp xã, trạm xá và tương đương: 3.100.000 đồng  (Theo quy định tại Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế) | 1- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.  2- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.  3- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.  4- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế |
| 26 | Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền Sở Y tế | Bệnh viện: 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; Phòng khám, Cơ sở DV khác: 45 kể từ ngày nhận đủ hồ sơ ngày. | Bệnh viện: 58 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; Phòng khám, Cơ sở DV khác: 43 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. | Trung tâm Hành chính công tỉnh | 1.500/ 01  giấy phép | 1- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.  2- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.  3- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.  4- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế |
| 27 | Điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức, nhân sự hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | Bệnh viện: 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; Phòng khám, Cơ sở DV khác: 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. | Bệnh viện: 58 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; Phòng khám, Cơ sở DV khác: 43 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. | Trung tâm Hành chính công tỉnh | 1. Thẩm định cấp GPHĐ khi thay đổi quy mô giường bệnh, cơ cấu tổ chức  a) Bệnh viện: 10.500.000 đ  b) Phòng khám đa khoa, nhà hộ sinh, bệnh xá thuộc lực lượng Công an nhân dân, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình (hoặc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo nguyên lý y học gia đình): 5.700.000 đ  c) Phòng khám chuyên khoa, Phòng khám, tư vấn và Điều trị dự phòng, Phòng khám, Điều trị bệnh nghề nghiệp, Phòng chẩn đoán hình ảnh, phòng X quang, Phòng xét nghiệm, Cơ sở dịch vụ y tế, Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 4.300.000 đ  2. Thẩm định cấp GPHĐ khi thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn: 4.300.000 đ  (Theo quy định tại Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế) | 1- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.  2- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.  3- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.  4- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế |
| 28 | Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi người chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền Sở Y tế | Bệnh viện: 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; Phòng khám, Cơ sở DV khác: 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. | Bệnh viện: 58 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; Phòng khám, Cơ sở DV khác: 43 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. | Trung tâm Hành chính công tỉnh | 1.500/ 01  giấy phép | 1- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.  2- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.  3- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.  4- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế |
| 29 | Cấp lại giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền Sở Y tế do bị mất, hoặc hư hỏng, hoặc bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền | Bệnh viện: 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; Phòng khám, Cơ sở DV khác: 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. | Bệnh viện: 58 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; Phòng khám, Cơ sở DV khác: 43 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. | Trung tâm Hành chính công tỉnh | 1.500/ 01  giấy phép | 1- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.  2- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.  3- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.  4- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế |
| 30 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | - Phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế: 4.300.000đ/lần.  - Lệ phí cấp phép hoạt động đối với cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế: 350.000đ/giấy.  (Theo quy định của Thông tư số 154/2013/TT-BTC ngày 01/11/2013 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động và lệ phí cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế). | 1. Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS);  2. Nghị định số 96/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế;  3. Thông tư số 12/2015/TT-BYT ngày 28/5/2015 của Bộ Y tế hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 96//2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.  4. Thông tư số 154/2013/TT-BTC ngày 01/11/2013 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động và lệ phí cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế. |
| 31 | Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động đối với cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện khi cơ sở điều trị thay đổi địa điểm hoạt động hoặc bị thu hồi giấy phép hoạt động | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | - Phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế: 4.300.000đ/lần.  - Lệ phí cấp phép hoạt động đối với cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế: 350.000đ/giấy.  (Theo quy định của Thông tư số 154/2013/TT-BTC ngày 01/11/2013 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động và lệ phí cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế). | 1. Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS);  2. Nghị định số 96/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế;  3. Thông tư số 12/2015/TT-BYT ngày 28/5/2015 của Bộ Y tế hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 96//2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.  4. Thông tư số 154/2013/TT-BTC ngày 01/11/2013 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động và lệ phí cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế. |
| 32 | Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động đối với cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bị mất hoặc hư hỏng giấy phép hoạt động | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | - Phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế: 4.300.000đ/lần.  - Lệ phí cấp phép hoạt động đối với cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế: 350.000đ/giấy.  (Theo quy định của Thông tư số 154/2013/TT-BTC ngày 01/11/2013 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động và lệ phí cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế). | 1. Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS);  2. Nghị định số 96/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế;  3. Thông tư số 12/2015/TT-BYT ngày 28/5/2015 của Bộ Y tế hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 96//2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.  4. Thông tư số 154/2013/TT-BTC ngày 01/11/2013 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động và lệ phí cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế. |
| 33 | Thủ tục cho phép hoat động lại sau khi bị đình chỉ hoạt động đối với cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | Chưa quy định | 1. Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS);  2. Nghị định số 96/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế;  3. Thông tư số 12/2015/TT-BYT ngày 28/5/2015 của Bộ Y tế hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 96//2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.  4. Thông tư số 154/2013/TT-BTC ngày 01/11/2013 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động và lệ phí cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế. |
| 34 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận bài thuốc gia truyền | 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 29 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | 2.500/ 01  giấy phép | - Luật khám bệnh, chữa bệnh số [40/2009/QH12](http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&mode=detail&document_id=92348) ngày 23/11/2009;  - Nghị định số [87/2011/NĐ-CP](http://moj.gov.vn/vbpq/lists/vn%20bn%20php%20lut/view_detail.aspx?itemid=26903) ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;   - Nghị định [109/2016/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/The-thao-Y-te/Nghi-dinh-109-2016-ND-CP-cap-chung-chi-hanh-nghe-nguoi-hanh-nghe-cap-giay-phep-hoat-dong-316127.aspx) ngày 01/7/ 2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giây phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;  - Thông tư số [41/2011/TT-BYT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/The-thao-Y-te/Thong-tu-41-2011-TT-BYT-huong-dan-cap-chung-chi-hanh-nghe-nguoi-hanh-nghe-131877.aspx) ngày 14/11/2011 của Bộ Y tế Hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;  - Thông tư số[41/2015/TT-BYT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/The-thao-Y-te/Thong-tu-41-2015-TT-BYT-sua-doi-huong-dan-cap-chung-chi-hanh-nghe-co-so-kham-benh-chua-benh-299949.aspx)ngày 14/11/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 16/11/2015  của Bộ trưởng Bộ Y tế Hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;  - Thông tư số [278/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-278-2016-TT-BTC-muc-thu-che-do-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-trong-linh-vuc-y-te-322361.aspx)  ngày 14/11/2016 của  Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế. |
| 35 | Thủ tục điều chỉnh bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam | 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 29 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | 360/ 01  chứng chỉ | - Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009;  - Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;  - Nghị định 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định cấp Chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh chữa bệnh;  - Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ Y tế Hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.  - Thông tư số 41/2015/TT-BYT ngày 16/11/2015 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ Y tế Hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh  - Thông tư số 16/2014/TT-BYT ngày 22 tháng 5 năm 2014, hướng dẫn thí điểm về bác sỹ gia đình và phòng khám bác sỹ gia đình.  - Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dung phí trong lĩnh vực y tế. |
| 36 | Thủ tục điều chỉnh thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam | 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 29 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | 360/ 01  chứng chỉ | -Luật khám bệnh, chữa bệnh số [40/2009/QH12](http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&mode=detail&document_id=92348)  ngày 23/11/2009;  - Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;   - Nghị định 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/ 2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giây phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;  - Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của  Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế. |
| 37 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 1 Thông tư số 29/2015/TT-BYT | 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | 2.500/ 01  giấy chứng nhận | -[Luật số 40/2009/QH12](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=25170) về Khám, chữa bệnh.  -[Thông tư 29/2015/TT-BYT](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=87106) ngày 12 tháng 10 năm 2015 của BYT quy định cấp, cấp lại GCN là Lương y.  -Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế. |
| 38 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 4, Điều 1 Thông tư số 29/2015/TT-BYT | 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | 2.500/ 01  giấy chứng nhận | -[Luật số 40/2009/QH12](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=25170) về Khám, chữa bệnh.  -[Thông tư 29/2015/TT-BYT](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=87106) ngày 12 tháng 10 năm 2015 của BYT quy định cấp, cấp lại GCN là Lương y.  -Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế. |
| 39 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 5, Điều 1 Thông tư số 29/2015/TT-BYT | 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | 2.500/ 01  giấy chứng nhận | -[Luật số 40/2009/QH12](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=25170) về Khám, chữa bệnh.  -[Thông tư 29/2015/TT-BYT](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=87106) ngày 12 tháng 10 năm 2015 của BYT quy định cấp, cấp lại GCN là Lương y.  -Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế. |
| 40 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 6, Điều 1 Thông tư số 29/2015/TT-BYT | 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | 2.500/ 01  giấy chứng nhận | -[Luật số 40/2009/QH12](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=25170) về Khám, chữa bệnh.  -[Thông tư 29/2015/TT-BYT](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=87106) ngày 12 tháng 10 năm 2015 của BYT quy định cấp, cấp lại GCN là Lương y.  -Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế. |
| 41 | Cấp lại giấy chứng nhận là lương y thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | 2.500/ 01  giấy chứng nhận | -[Luật số 40/2009/QH12](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=25170) về Khám, chữa bệnh.  -[Thông tư 29/2015/TT-BYT](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=87106) ngày 12 tháng 10 năm 2015 của BYT quy định cấp, cấp lại GCN là Lương y. |
| 42 | Thủ tục công bố cơ sở đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe lái xe thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | Chưa quy định | -[Luật GTĐB số 23/2008/QH12](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=12333).  -[Nghị định 63/2012/NĐ-CP](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=27829) ngày 31 tháng 8 năm 2012 quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của BYT.  -[Nghị định 107/2012/NĐ-CP](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=30333) ngày 20 tháng 12 năm 2012 quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của BGT-VT.  -[Thông tư 14/2013/TT-BYT](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=46957) ngày 06 tháng 5 năm 2013 của BYT Hướng dẫn khám sức khỏe.  -[Thông tư liên tịch 24/2015/TTLT-BYT-BGTVT](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=85812) ngày 21 tháng 8 năm 2015 của BYT-GTVT quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của người lái xe, việc khám sức khỏe định kỳ đối với người lái xe ô ô và quy định về cơ sở y tế khám sức khở cho người lái xe. |
| 43 | Thủ tục đăng ký hành nghề đối với trường hợp đã được cấp giấy phép hoạt động khi có thay đổi về nhân sự thuộc thẩm quyền Sở Y tế | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | Chưa quy định | 1- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009. Hiệu lực thi hành từ 01/01/2011  2- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh. Hiệu lực thi hành  3- Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ Y tế Hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. |
| 44 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | Chưa quy định | 1)Luật hoạt động chữ thập đỏ ngày 03 tháng 6 năm 2008;  2) Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hoạt động chữ thập đỏ;  3) Thông tư số 17/2014/TT-BYT ngày 02 tháng 6 năm 2014 quy định việc cấp giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ và việc huấn luyện sơ cấp cứu chữ thập đỏ. |
| 45 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | Chưa quy định | 1)Luật hoạt động chữ thập đỏ ngày 03 tháng 6 năm 2008;  2) Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hoạt động chữ thập đỏ;  3) Thông tư số 17/2014/TT-BYT ngày 02 tháng 6 năm 2014 quy định việc cấp giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ và việc huấn luyện sơ cấp cứu chữ thập đỏ. |
| 46 | Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | Chưa quy định | 1)Luật hoạt động chữ thập đỏ ngày 03 tháng 6 năm 2008;  2) Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hoạt động chữ thập đỏ;  3) Thông tư số 17/2014/TT-BYT ngày 02 tháng 6 năm 2014 quy định việc cấp giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ và việc huấn luyện sơ cấp cứu chữ thập đỏ. |
| 47 | Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ do mất, rách, hỏng | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | Chưa quy định | 1)Luật hoạt động chữ thập đỏ ngày 03 tháng 6 năm 2008;  2) Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hoạt động chữ thập đỏ;  3) Thông tư số 17/2014/TT-BYT ngày 02 tháng 6 năm 2014 quy định việc cấp giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ và việc huấn luyện sơ cấp cứu chữ thập đỏ. |
| 48 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh | 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 43 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | 4.300 (Theo quy định tại Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính) | 1- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.  2- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.  3- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.  4- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế |
| 49 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám tư vấn và điều trị dự phòng | 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 43 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh  tỉnh Hậu Giang | 4.300 /lần thẩm định; | 1- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.  2- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.  3- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.  4- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế |
| 50 | Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | 1.000/ lần quy định tại Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính | - Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21 tháng 06 năm 2012;  - Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.  - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo;  - Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2015 về xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế  - Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế. |
| 51 | Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng | 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | Chưa quy định. | 1. Luật quảng cáo 16/2012/QH13 ngày 21 tháng 06 năm 2012;  2. Luật khám bệnh, chữa bệnh 40/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;  3. Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo;  4. Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2015 về xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế |
| 52 | Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | Chưa quy định. | + Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21 tháng 06 năm 2012;  + Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.  + Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo; + Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2015 của Bộ Y tế về xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế. |
| **III** | **Lĩnh vực: Dược phẩm-Mỹ phẩm** | | | | |  |
| 1 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm | 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | 6.000/ 01 chứng nhận | + Luật Đầu tư năm 2014.  + Nghị định số 93/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về Điều kiện sản xuất mỹ phẩm.  + Thông tư 277/2016/TT-BTC về chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm. |
| 2 | Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm | 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | Chưa quy định | + Luật Đầu tư năm 2014.  + Nghị định số 93/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về Điều kiện sản xuất mỹ phẩm. |
| 3 | Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm | 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | Chưa quy định | + Luật Đầu tư năm 2014.  + Nghị định số 93/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về Điều kiện sản xuất mỹ phẩm. |
| 4 | Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động | 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | Chưa quy định | - [Luật Dược số 105/2016/QH13](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=101886).  - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược. |
| 5 | Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược nhưng Chứng chỉ hành nghề dược bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật dược) theo hình thức xét hồ sơ | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | 500/ 01  chứng chỉ | 1. Luật dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016.  2. Nghị định số 54/2014/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược 3. Thông tư số 277/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm. |
| 6 | Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề dược bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề dược | 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | Chưa quy định | - [Luật Dược số 105/2016/QH13](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=101886)  - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược. |
| 7 | Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | 500/ 01  chứng chỉ | 1. Luật dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016.  2. Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược​ |
| 8 | Thủ tục đăng ký lần đầu, đăng ký lại và đăng ký gia hạn các thuốc dùng ngoài sản xuất trong nước quy định tại Phụ lục V Thông tư 44/2014/TT-BYT | 90 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 90 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | Chưa quy định | 1-[Thông tư 44/2014/TT-BYT](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=66591) ngày 25 tháng 11 năm 2014 của Bộ Y tế quy định việc đăng ký thuốc  2-[Luật Dược số 105/2016/QH13](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=101886)  3- [Thông tư 277/2016/TT-BTC](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=119169)  4-[Nghị định 54/2017/NĐ-CP](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=123255) |
| 9 | Cấp lần đầu và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đối với trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền) | 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | Cơ sở bán buôn (GDP) 4.000  Bán lẻ (GPP): 1.000 | - [Luật Dược số 105/2016/QH13](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=101886)  - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược  - Thông tư số 277/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính: Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm. |
| 10 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở thay đổi loại hình kinh doanh hoặc phạm vi kinh doanh dược mà có thay đổi điều kiện kinh doanh, thay đổi địa điểm kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền) | 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | Cơ sở bán buôn (GDP) 4.000/01 giấy chứng nhận  Bán lẻ (GPP): 1.000/01 giấy chứng nhận | - [Luật Dược số105/2016/QH13](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=101886).  - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược.  - Thông tư số 277/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính: Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm. |
| 11 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền) | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | Chưa quy định | - [Luật Dược số105/2016/QH13](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=101886).  - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược. |
| 12 | Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền) | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | Chưa quy định | - [Luật Dược số105/2016/QH13](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=101886).  - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược. |
| 13 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở kinh doanh thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc, thuốc phóng xạ; cơ sở sản xuất thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 95 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 95 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | Chưa quy định | - [Luật Dược số105/2016/QH13](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=101886).  - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược. |
| 14 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho các cơ sở kinh doanh thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất (trừ cơ sở sản xuất được quy định tại Điều 50 của Nghị định này); cơ sở kinh doanh thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc, thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền Sở Y tế | 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | Chưa quy định | - [Luật Dược số105/2016/QH13](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=101886).  - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược. |
| 15 | Cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược | 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | - Thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn bán lẻ thuốc (GPP) hoặc tiêu chuẩn và điều kiện hành nghề dược đối với các cơ sở bán lẻ thuốc chưa bắt buộc thực hiện nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt nhà thuốc theo lộ trình: 1.000.000 đồng/cơ sở  - Thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn bán lẻ thuốc (GPP) đối với cơ sở bán lẻ tại các địa bàn thuộc vùng khó khăn, miền núi, hải đảo: 500.000 đồng/cơ sở. | - [Luật Dược số 105/2016/QH13](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=101886).  - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược.  - Thông tư số 277/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm. |
| 16 | Cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược | 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | Chưa quy định | [- Luật Dược số105/2016/QH13](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=101886).  - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược. |
| 17 | Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt | 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | Chưa quy định | [- Luật Dược số105/2016/QH13](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=101886).  - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược. |
| 18 | Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh | 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | 100/ 01  Giấy phép | [- Luật Dược số105/2016/QH13](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=101886).  - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược.  - Thông tư số 277/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm. |
| 19 | Cấp giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc theo hình thức hội thảo giới thiệu thuốc | 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | 1.800 /01  Giấy xác nhận | [- Luật Dược số 105/2016/QH13](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=101886)  - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược  - Thông tư số 277/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính : Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm. |
| 20 | Cấp lại Giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | Chưa quy định | [- Luật Dược số 105/2016/QH13](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=101886)  - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược |
| 21 | Điều chỉnh nội dung thông tin thuốc đã được cấp Giấy xác nhận thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | Chưa quy định | [- Luật Dược số 105/2016/QH13](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=101886)  - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược |
| 22 | Thủ tục cấp Số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất tại Việt Nam | 03 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 03 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | 500.000 đ / 01 sản phẩm | [Thông tư số 06 /2011/TT-BYT ngày 25/1/2011 của Bộ Y tế Quy định về Quản lý Mỹ phẩm](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/TW/Pages/chitiet-vb-qdtthc-khac.aspx?ItemID=1230)  Thông tư số 277/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định về sử dụng phí trong lĩnh vực Dược, Mỹ phẩm. |
| 23 | Công bố cơ sở đào tạo, cập nhật kiến thức chuyên môn về dược | 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | Chưa quy định | - [Luật Dược số 105/2016/QH13](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=101886).  - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược. |
| 24 | Điều chỉnh công bố đào tạo, cập nhật kiến thức chuyên môn về dược | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | Chưa quy định | - Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016;  - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược. |
| 25 | Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | Chưa quy định | - Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016;  - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược. |
| 26 | Cho phép hủy thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | Chưa quy định | - Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016;  - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược. |
| 27 | Kê khai lại giá thuốc sản xuất trong nước | 25 ngày | 25 ngày | Trung tâm Hành chính công tỉnh | 100/01 hồ sơ | 1. Luật dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016.  2. Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược.  3. Thông tư số 277/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính : Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm |
| 28 | Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | 500/hồ sơ | 1.Luật dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016.  2.Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược​  3. Thông tư 277/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm. |
| 29 | Đánh giá định kỳ việc duy trì đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc (GPP) | 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | 1.000 /hồ sơ | 1.Luật dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016.  2.Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược​  3. Thông tư 02/2018/TT-BYT ngày 22 tháng 01 năm 2018 c ủa Bộ Y tế quy định về thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc.  4. Thông tư 277/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm. |
| 30 | Đánh giá định kỳ việc duy trì đáp ứng thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc (GDP) | 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | 4.000 /hồ sơ | 1.Luật dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016.  2.Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược​  3. Thông tư 02/2018/TT-BYT ngày 22 tháng 01 năm 2018 c ủa Bộ Y tế quy định về thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc.  4. Thông tư 277/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm. |
| 31 | Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | 1.800 /hồ sơ | 1.[Luật quảng cáo 16/2012/QH13](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=27617) **quy định về hoạt động quảng cáo; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động quảng cáo; quản lý nhà nước về hoạt động quảng cáo**  2. [Nghị định 93/2016/NĐ-CP](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=112154) ngày 01 tháng 7 năm 2016 quy định về điều kiện sản xuất mỹ phẩm.  3. [Nghị định 181/2013/NĐ-CP](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=32607) ngày 14 tháng 11 năm 2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo.  4. [Thông tư 09/2015/TT-BYT](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=67130) ngày 25 tháng 5 năm 2015 quy định về xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặt biệt thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế.  5. Thông tư số 277/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính : Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm. |
| 32 | Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng | 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | 1.800 /hồ sơ | - Luật Quảng cáo ngày 21 tháng 06 năm 2012;  - Căn cứ Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014;  - Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2015 của  Bộ Y tế quy định về xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 7 năm 2015. |
| 33 | Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT | 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | Chưa quy định | - Luật Quảng cáo ngày 21 tháng 06 năm 2012;  - Căn cứ Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014;  - Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2015 của  Bộ Y tế quy định về xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 7 năm 2015. |
| 34 | Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | Chưa quy định | - Luật Quảng cáo ngày 21 tháng 06 năm 2012;  - Căn cứ Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014;  - Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2015 của  Bộ Y tế quy định về xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 7 năm 2015. |
| 35 | Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kệ thuốc | 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | Chưa quy định | -[Luật dược số 105/2016/QH13](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=101886)  - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược. - Thông tư 07/2018/TT-BYT ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Bộ Y tế hướng dẫn về kinh doanh Dược của Luật Dược và Nghị định số 54/2017/NĐ-CP hướng dẫn Luật Dược do Bộ Y tế ban hành |
| **IV** | **Lĩnh vực Y tế Dự phòng** | | | | |  |
| **1** | Xác định trường hợp được bồi thường khi xảy ra tai biến trong tiêm chủng | 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | Chưa quy định | - Luật số 03/2007/QH12 của Quốc hội: Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiểm.  - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 của Quốc hội;  - Nghị định số 104/2016/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về hoạt động tiêm chủng;  - Quyết định số 1273/QĐ-BYT ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung quy định tại Nghị định số 103/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về bảo đảm an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm và Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng. |
| **2** | Công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện | 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | Chưa quy định | 1. Luật số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006 về phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS).  2. Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế. |
| 3 | Công bố lại đối với cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện khi có thay đổi về tên, địa chỉ, về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân sự | 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | Chưa quy định | 1. Luật số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006 về phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS).  2. Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế. |
| 4 | Công bố lại đối với cơ sở công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng phương thức điện tử khi hồ sơ công bố bị hư hỏng hoặc bị mất | 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | Chưa quy định | 1. Luật số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006 về phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS).  2. Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế. |
| 5 | Công bố lại đối với cơ sở điều trị sau khi hết thời hạn bị tạm đình chỉ | 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | Chưa quy định | 1. Luật số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006 về phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS).  2. Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế. |
| **6** | Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II | Các cơ sở xét nghiệm được tiến hành xét nghiệm trong phạm vi chuyên môn sau khi tự công bố đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học. | Các cơ sở xét nghiệm được tiến hành xét nghiệm trong phạm vi chuyên môn sau khi tự công bố đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học. | Trung tâm Hành chính công tỉnh | Chưa quy định | + Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm số 03/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007.  + Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014.  + Thông tư số 29/2012/TT-BYT ngày 04 tháng 12 năm 2012 của Bộ Y tế quy định về thủ tục cấp mới, cấp lại giấy chứng nhận phòng xét nghiệm đạt tiêu chuẩn An toàn sinh học.  + Nghị định số 103/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về bảo đảm an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm. |
| 7 | Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng | Cơ sở được thực hiện hoạt động tiêm chủng sau khi đã thực hiện việc công bố đủ điều kiện tiêm chủng | Cơ sở được thực hiện hoạt động tiêm chủng sau khi đã thực hiện việc công bố đủ điều kiện tiêm chủng | Trung tâm Hành chính công tỉnh | Chưa quy định | -[Luật **Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm số** 03/2007/QH12](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=12900)  -[Luật Đầu tư số 67/2014/QH13](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=46750)  -Nghị định số 104/2016/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định về hoạt động tiêm chủng |
| 8 | Cấp lại giấy chứng nhận phòng xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I và II do hết hạn | Các cơ sở xét nghiệm được tiến hành xét nghiệm trong phạm vi chuyên môn sau khi tự công bố đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học. | Các cơ sở xét nghiệm được tiến hành xét nghiệm trong phạm vi chuyên môn sau khi tự công bố đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học. | Trung tâm Hành chính công tỉnh | Chưa quy định | - Nghị định số 92/2010/NĐ-CP ngày 30/8/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về bảo đảm an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm.  - Thông tư số 29/2012/TT-BYT ngày 04/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định thủ tục cấp mới, cấp lại giấy chứng nhận phòng xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học. |
| 9 | Cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp | 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 5 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công | Chưa quy định | - Luật số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006 về phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS).  -Quyết định số 120/2008/QĐ-TTg ngày 29/8/2008 của Chính phủ quy định điều kiện xác định người bị phơi nhiểm với HIV, bị nhiểm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp  -Quyết định số 4695/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế trong lĩnh vực y tế dự phòng. |
| 10 | Cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp | 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công | Chưa quy định | - Luật số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006 về phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS).  - Quyết định số 120/2008/QĐ-TTg ngày 29/8/2008 của Thủ tướng Chính phủ quy định điều kiện xác định người bị phơi nhiễm với HIV, người bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp  -Quyết định số 4695/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế trong lĩnh vực y tế dự phòng. |
| 11 | Cấp lại thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng | 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công | Chưa quy định | - Quyết định số 120/2008/QĐ-TTg ngày 29/8/2008 của Thủ tướng Chính phủ quy định điều kiện xác định người bị phơi nhiễm với HIV, người bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp  -Quyết định số 4695/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế trong lĩnh vực y tế dự phòng.  - Luật số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006 về phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS);  - Nghị định số 108/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS);  - Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BYT-BCA ngày 20/1/2010 của Bộ Y tế - Bộ Công an quy định việc cấp, phát, quản lý và sử dụng thẻ nhân viên tiếp cận công đồng tham gia thực hiện các biện pháp can thiệp giảm tác hại trong dự án phòng chống lây nhiễm HIV. |
| 12 | Thông báo hoạt động đối với tổ chức tư vấn về phòng, chống HIV/AIDS. | 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công | Chưa quy định | - Luật số 64/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006  về phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS), hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2007;  - Thông tư số 06/2012/TT-BYT ngày 20/4/2012 của Bộ Y tế Quy định về điều kiện thành lập và nội dung hoạt động đối với tổ chức tư vấn về phòng, chống HIV/AIDS |
| 13 | Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế | 03 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 03 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | Chưa quy định | 1.Luật hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;  2. Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;  3. Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;  4. Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;  5. Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;  6. Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;  7. Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế  - Quyết định số 4508/QĐ-BYT ngày 22 tháng 8 năm 2016 của Bộ Y tế Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ tại Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế |
| 14 | Công bố đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm | 03 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 03 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | Chưa quy định | 1.Luật hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;  2. Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;  3. Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;  4. Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;  5. Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;  6. Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;  7. Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế  - Quyết định số 4508/QĐ-BYT ngày 22 tháng 8 năm2016 của Bộ Y tế Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ tại Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế |
| **V** | **Lĩnh vực Trang thiết bị** | | | | |  |
| 1 | [Thủ tục Cấp Giấy đăng ký quảng cáo trang thiết bị y tế.](http://www.haugiang.gov.vn/Portal/Data/Sites/1/GalleryImages/SO%20Y%20TE/2013/cchc/58/quang%20cao%20TTB(1).doc) | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | Chưa quy định | - Luật quảng cáo 16/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012  - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo  - [Thông tư 09/2015/TT-BYT](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=67130) Quy định về xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế  - Quyết định số 4554/QĐ-BYT ngày 22 tháng 8 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành tại Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; |
| 2 | [Thủ tục Đăng ký quảng cáo trang thiết bị y tế của các cơ sở sản xuất, kinh doanh trang thiết bị y tế có trụ sở trên địa bàn trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Vụ Trang thiết bị và công trình y tế - Bộ Y tế.](http://www.haugiang.gov.vn/Portal/Data/Sites/1/GalleryImages/SO%20Y%20TE/2013/cchc/61/Quang%20cao%20TTB(1).doc) | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | Chưa quy định | - Nghị định số 24/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 13 tháng 3 năm 2003 quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Quảng cáo  - Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21 tháng 6  năm 2012  - Thông tư số 01/2004/TTLT-BVHTT-BYT  của Bộ Y tế ngày 12 tháng 01 năm 2004 hướng dẫn về hoạt động quảng cáo trong lĩnh vực y tế.  - Quyết định số 4554/QĐ-BYT ngày 22 tháng 8 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành tại Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; |
| 3 | Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế | 03 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 03 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | Chưa quy định | 1. Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;  2. Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế.  3. Quyết định số 4554/QĐ-BYT ngày 22 tháng 8 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành tại Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; |
| 4 | Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D | 03 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 03 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | Chưa quy định | 1. Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;  2. Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế.  3. Quyết định số 4554/QĐ-BYT ngày 22 tháng 8 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành tại Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; |
| **VI** | **Lĩnh vực Đào tạo** | | | | |  |
| 1 | Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh | 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh | Chưa quy định | - Nghị định số [111/2017/NĐ-CP](https://vanbanphapluat.co/van-ban-lien-quan?id=111/2017/N%C4%90-CP) ngày 05/10/2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong các đào tạo khối ngành sức khỏe  - Quyết định số 5125/QĐ-BYT ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế |
| **CỘNG: I+II+III+IV+V+VI= 115 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** | | | | | | |  |

1. **Thủ tục hành chính thuộc phạm vi giải quyết của đơn vị trực thuộc Sở Y tế và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến tỉnh và tuyến huyện đủ điều kiện: 22**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Lĩnh vực Giám định Y khoa** | | | | | | |
| **TT** | **Tên th ủ tục hành chính** | **Thời gian giải quyết theo quy định** | **Thời gian giải quyết**  **tại tỉnh** | **Địa điểm thực hiện** | **Phí, lệ phí (nếu có)**  **(ĐVT: ngàn đồng)** | | **Căn cứ pháp lý** |
| 1 | Khám GĐYK lần đầu đối với người hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm với chất độc hóa học quy định tại Điều 38 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng | 30 ngày | 30 ngày | TT Giám định y khoa | | **Thông tư 243/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa.** | **Thông tư liên tịch 20/2016/TTLT-BYT-BLĐTBXH hướng dẫn khám giám định bệnh, tật, dị dạng, dị tật có liên quan đến phơi nhiễm với chất độc hóa học đối với người hoạt động kháng chiến và con đẻ của họ do Bộ trưởng Bộ Y tế - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành** |
| 2 | Khám GĐYK lần đầu đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm với chất độc hóa học quy định tại Điều 38 Nghị định số [31/2013/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=31/2013/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng | 30 ngày | 30 ngày | TT Giám định y khoa | | **Thông tư 243/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa.** | **Thông tư liên tịch 20/2016/TTLT-BYT-BLĐTBXH hướng dẫn khám giám định bệnh, tật, dị dạng, dị tật có liên quan đến phơi nhiễm với chất độc hóa học đối với người hoạt động kháng chiến và con đẻ của họ do Bộ trưởng Bộ Y tế - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành** |
| 3 | Khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không đưa ra được kết luận về mức độ khuyết tật | 30 ngày | 30 ngày | TT Giám định y khoa | | **Thông tư 243/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa.** | **Thông tư liên tịch 34/2012/TTLT-BYT-BLĐTBXH về việc xác định mức độ khuyết tật do Bộ Y tế và Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội ban hành, quy định trình tự và thủ tục hồ sơ khám giám định để xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng Giám định y khoa thực hiện.** |
| 4 | Khám giám định mức độ mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật | 30 ngày | 30 ngày | TT Giám định y khoa | | **Thông tư 243/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa.** | **Thông tư liên tịch 34/2012/TTLT-BYT-BLĐTBXH về việc xác định mức độ khuyết tật do Bộ Y tế và Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội ban hành, quy định trình tự và thủ tục hồ sơ khám giám định để xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng Giám định y khoa thực hiện.** |
| 5 | Khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp đại diện hợp pháp đối với người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật | 30 ngày | 30 ngày | TT Giám định y khoa | | **Thông tư 243/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa.** | **Thông tư liên tịch 34/2012/TTLT-BYT-BLĐTBXH về việc xác định mức độ khuyết tật do Bộ Y tế và Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội ban hành, quy định trình tự và thủ tục hồ sơ khám giám định để xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng Giám định y khoa thực hiện.** |
| 6 | Khám giám định đối với trường hợp người khuyết tật có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách quan, không chính xác | 30 ngày | 30 ngày | TT Giám định y khoa | | **Thông tư 243/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa.** | **Thông tư liên tịch 34/2012/TTLT-BYT-BLĐTBXH về việc xác định mức độ khuyết tật do Bộ Y tế và Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội ban hành, quy định trình tự và thủ tục hồ sơ khám giám định để xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng Giám định y khoa thực hiện.** |
| 7 | Thủ tục Khám giám định đối với trường hợp đại diện hợp pháp của người khuyết tật (cá nhân, cơ quan, tổ chức) có bằng chứng xác thực về xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách quan, không chính xác | 30 ngày | 30 ngày | TT Giám định y khoa | | **Thông tư 243/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa.** | **Thông tư liên tịch 34/2012/TTLT-BYT-BLĐTBXH về việc xác định mức độ khuyết tật do Bộ Y tế và Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội ban hành, quy định trình tự và thủ tục hồ sơ khám giám định để xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng Giám định y khoa thực hiện.** |
| 8 | Thủ tục Khám giám định phúc quyết mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật không đồng ý với kết luật của nhội đồng Giám định Y Khoa đã ban hành Biên bản khám giám định | 30 ngày | 30 ngày | TT Giám định y khoa | | **Thông tư 243/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa.** | **Thông tư liên tịch 34/2012/TTLT-BYT-BLĐTBXH về việc xác định mức độ khuyết tật do Bộ Y tế và Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội ban hành, quy định trình tự và thủ tục hồ sơ khám giám định để xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng Giám định y khoa thực hiện.** |
| 9 | Thủ tục Khám giám định phúc quyết mức độ khuyết tật đối với trường hợp đại diện người khuyết tật ( cá nhân, cơ quan, tổ chức) không đồng ý với kết luật của Hội đồng Giám định y khoa đã ban hành Biên bản khám giám định | 30 ngày | 30 ngày | TT Giám định y khoa | | **Thông tư 243/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa.** | **Thông tư liên tịch 34/2012/TTLT-BYT-BLĐTBXH về việc xác định mức độ khuyết tật do Bộ Y tế và Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội ban hành, quy định trình tự và thủ tục hồ sơ khám giám định để xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng Giám định y khoa thực hiện.** |
| 10 | Khám giám định thương tật lần đầu | 30 ngày | 30 ngày | TT Giám định y khoa | | **Thông tư 243/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa.** | Thông tư liên tịch số 45/2014/TTLT-BYT-BLĐTBXH của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội-Bộ Y tế : Hướng dẫn khám giám định thương tật đối với thương binh và người hưởng chính sách như thương binh |
| 11 | Khám giám định đối với trường hợp đã được xác định tỷ lệ tạm thời | 30 ngày | 30 ngày | TT Giám định y khoa | | **Thông tư 243/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa.** | Thông tư liên tịch số 45/2014/TTLT-BYT-BLĐTBXH của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội-Bộ Y tế : Hướng dẫn khám giám định thương tật đối với thương binh và người hưởng chính sách như thương binh |
| 12 | Khám giám định đối với trường hợp bổ sung vết thương | 30 ngày | 30 ngày | TT Giám định y khoa | | **Thông tư 243/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa.** | Thông tư liên tịch số 45/2014/TTLT-BYT-BLĐTBXH của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội-Bộ Y tế : Hướng dẫn khám giám định thương tật đối với thương binh và người hưởng chính sách như thương binh |
| 13 | Khám giám định đối với trường hợp vết thương còn sót | 30 ngày | 30 ngày | TT Giám định y khoa | | **Thông tư 243/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa.** | Thông tư liên tịch số 45/2014/TTLT-BYT-BLĐTBXH của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội-Bộ Y tế : Hướng dẫn khám giám định thương tật đối với thương binh và người hưởng chính sách như thương binh |
| 14 | Khám giám định đối với trường hợp vết thương tái phát | 30 ngày | 30 ngày | TT Giám định y khoa | | **Thông tư 243/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa.** | Thông tư liên tịch số 45/2014/TTLT-BYT-BLĐTBXH của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội-Bộ Y tế : Hướng dẫn khám giám định thương tật đối với thương binh và người hưởng chính sách như thương binh |
| 15 | Giám định thương tật lần đầu do tai nạn lao động đối với người lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc | 30 ngày | 30 ngày | TT Giám định y khoa | | **Thông tư 243/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa.** | Thông tư số 56/2017 /TT-BYT ngày 29/12/ 2017 của Bộ Y tế Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo hiểm xã hội và Luật an toàn vệ sinh lao động thuộc lĩnh vực y tế. |
| 16 | Giám định lần đầu do bệnh nghề nghiệp đối với người lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc | 30 ngày | 30 ngày | TT Giám định y khoa | | **Thông tư 243/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa.** | Thông tư số 56/2017 /TT-BYT ngày 29/12/ 2017 của Bộ Y tế Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo hiểm xã hội và Luật an toàn vệ sinh lao động thuộc lĩnh vực y tế. |
| 17 | Giám định để thực hiện chế độ hưu trí trước tuổi quy định đối với người lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc | 30 ngày | 30 ngày | TT Giám định y khoa | | **Thông tư 243/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa.** | Thông tư số 56/2017 /TT-BYT ngày 29/12/ 2017 của Bộ Y tế Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo hiểm xã hội và Luật an toàn vệ sinh lao động thuộc lĩnh vực y tế. |
| 18 | Giám định để thực hiện chế độ hưu trí đối với người lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc | 30 ngày | 30 ngày | TT Giám định y khoa | | **Thông tư 243/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa.** | Thông tư số 56/2017 /TT-BYT ngày 29/12/ 2017 của Bộ Y tế Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo hiểm xã hội và Luật an toàn vệ sinh lao động thuộc lĩnh vực y tế. |
| 19 | Giám định tai nạn lao động tái phát đối với người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc | 30 ngày | 30 ngày | TT Giám định y khoa | | **Thông tư 243/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa.** | Thông tư số 56/2017 /TT-BYT ngày 29/12/ 2017 của Bộ Y tế Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo hiểm xã hội và Luật an toàn vệ sinh lao động thuộc lĩnh vực y tế. |
| 20 | Giám định tổng hợp đối với người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc | 30 ngày | 30 ngày | TT Giám định y khoa | | **Thông tư 243/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa.** | Thông tư số 56/2017 /TT-BYT ngày 29/12/ 2017 của Bộ Y tế Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo hiểm xã hội và Luật an toàn vệ sinh lao động thuộc lĩnh vực y tế. |
| **II** | **Lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh** | | | | | | |
| 1 | Thủ tục cấp giấy khám sức khỏe cho người lái xe | - Đối với trường hợp khám sức khỏe đơn lẻ: cơ sở khám sức khỏe trả Giấy khám sức khỏe cho người được khám sức khỏe trong vòng 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ khi kết thúc việc khám sức khỏe, trừ những trường hợp phải khám hoặc xét nghiệm bổ sung theo yêu cầu của người thực hiện khám sức khỏe;  - Đối với trường hợp khám sức khỏe tập thể theo hợp đồng: cơ sở khám sức khỏe trả Giấy khám sức khỏe cho người được khám sức khỏe theo thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng. | - Đối với trường hợp khám sức khỏe đơn lẻ: cơ sở khám sức khỏe trả Giấy khám sức khỏe cho người được khám sức khỏe trong vòng 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ khi kết thúc việc khám sức khỏe, trừ những trường hợp phải khám hoặc xét nghiệm bổ sung theo yêu cầu của người thực hiện khám sức khỏe;  - Đối với trường hợp khám sức khỏe tập thể theo hợp đồng: cơ sở khám sức khỏe trả Giấy khám sức khỏe cho người được khám sức khỏe theo thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng. | Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến tỉnh và tuyến huyện đủ điều kiện | | Nộp phí theo mức phí thu viện phí hiện hành | - Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008;  - Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;  - Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế về hướng dẫn khám sức khỏe;  - Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 21/8/2015 của Bộ Y tế và Bộ Giao thông vận tải về Quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của người lái xe, việc khám sức khỏe định kỳ đối với người lái xe ô tô và quy định về cơ sở y tế khám sức khoẻ cho người lái xe. |
| 2 | Thủ tục khám sức khỏe định kỳ của người lái xe ô tô | 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến tỉnh và tuyến huyện đủ điều kiện | | Nộp phí theo mức phí thu viện phí hiện hành | - Luật Giao thông đường bộ số [23/2008/QH12](http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&mode=detail&document_id=81140)  ngày 13 tháng 11 năm 2008;  - Nghị định số [63/2012/NĐ-CP(](http://www.moj.gov.vn/vbpq/lists/vn%20bn%20php%20lut/view_detail.aspx?itemid=28026) ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;  - Nghị định số [107/2012/NĐ-CP ()](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-dinh-107-2012-ND-CP-chuc-nang-nhiem-vu-quyen-han-co-cau-to-chuc-Bo-GTVT-154044.aspx) ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;  - Thông tư số [14/2013/TT-BYT](http://moj.gov.vn/vbpq/lists/vn%20bn%20php%20lut/view_detail.aspx?itemid=30197) ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế về hướng dẫn khám sức khỏe;  - Thông tư liên tịch số [24/2015/TTLT-BYT-BLĐTBXH](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-thong-Van-tai/Thong-tu-lien-tich-24-2015-TTLT-BYT-BGTVT-tieu-chuan-suc-khoe-cua-nguoi-lai-xe-289973.aspx) ngày 21/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về Quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của người lái xe, việc khám sức khỏe định kỳ đối với người lái xe ô tô và quy định về cơ sở y tế khám sức khoẻ cho người lái xe; |
| **CỘNG: I+II = 22 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** | | | | | | | |